TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HSST
Ngày: 22/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên
2. Ông Bùi Minh Cảnh

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trần Quốc Sang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/TLST- HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXHS - ST ngày 06 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tại ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước N1 và bà Phạm Thị P và 01 người con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/3/2008 Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2008 về tội "Trộm cắp tài sản"; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/11/2017 cho đến nay. (Có mặt).

2. Trần Thị Diễm L, sinh năm 1984, tại: Ấp C, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú (Đăng ký HKTT): Ấp C, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị U; có 01 người con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 21/11/2017 cho đến nay. (Có mặt).

- Những người có quyền lợi liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2/ Bà Phạm Thị P, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

- Những người làm chứng:

1/ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

2/ Lê Sỹ L1, sinh năm 1995

Địa chỉ: Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

3/ Vũ Kim K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

4/ Danh Xà N2, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

5/ Đỗ Văn T2, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

6/ Nguyễn Văn C, sinh năm 1990

Địa chỉ: 82/14 N, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 21/11/2017, Nguyễn Thị T2 và Lê Sỹ L1 hùn mỗi người 600.000 đồng rồi T2 dùng điện thoại liên lạc với T để hỏi mua ma túy với số tiền 1.200.000 đồng về sử dụng thì T đồng ý và hẹn giao dịch tại địa điểm gần nhà của T ở ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 18 giờ 50 phút ngày 21/11/2017, T2 và L1 đi đến địa điểm giao dịch rồi điện thoại cho T, T lấy 01 bịch ma túy đưa cho L cất giữ rồi cùng L đi bộ từ nhà ra điểm giao dịch để gặp T2. Tại đây L đưa cho T2 01 bịch ma túy, T2 đưa cho L 1.200.000 đồng thì bị lực lượng công an bắt quả tang và đưa về trụ sở làm việc cùng vật chứng.

Khi bắt quả tang cơ quan công an huyện An Biên đã tiến hành thu giữ vật chứng của vụ án gồm: 01 (Một) bịch nylon được hàn kín, kích thước (2cm x4cm), bên trong chứa nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất, nghi là chất ma túy thu giữ trong người của Nguyễn Thị T2 được niêm phong theo quy định; thu giữ trong người của Trần Thị Diễm L tiền Việt Nam là 1.200.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen model RM-1136, số Emel 353708072109961 đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có 01 sim vinaphone số seri 98840200021535106972.

Tại bản kết luận định giá số 713/KL-HĐĐG ngày 24/11/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

"Các hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất chưa trong 01 (một) bịch nylon hàn kín, được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine trọng lượng 0,2569 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ".

Ngoài lần phạm tội nêu trên Nguyễn Văn T cùng Trần Thị Diễm L khai còn thực hiện nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy (dạng đá), cụ thể:

Lần thứ nhất: Trong tháng 7 năm 2017, Đỗ Văn T2 dùng điện thoại liên lạc với T để hỏi mua ma túy với giá 200.000 đồng để sử dụng thì T đồng ý và hẹn giao dịch tại nhà của T. T2 cùng với Vũ Kim K đi đến địa điểm hẹn giao dịch để lấy ma túy. Lúc này, T dùng điện thoại di động liên lạc với D (không rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi

mua dùm cho K1 (chưa rõ nhân thân) ma túy tổng hợp với giá 1.000.000 đồng thì D đồng ý và hẹn giao dịch tại nhà của T. T lấy ma túy vừa mua được chiết ra bịch nhỏ rồi đem bán cho T2 và K với giá 200.000 đồng phần còn lại đưa cho K1. T trực tiếp bán ma túy cho T2 rồi kêu L nhận tiền, T2 đưa cho L 180.000 đồng, K đưa 20.000 đồng, sau đó L đưa tiền cho T cất giữ.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 11/11/2017, Vũ Kim K dùng điện thoại liên lạc với T để hỏi mua ma túy với giá 500.000 đồng thì T đồng ý và hẹn giao dịch tại nhà của T. Lúc này, T dùng điện thoại liên lạc với L3 (không rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi mua ma túy với giá 1.500.000 đồng thì L3 đồng ý và hẹn giao dịch tại nhà T. T lấy ma túy vừa mua được chia thành 4 bịch nhỏ (03 bịch giá 500.000 đồng và 01 bịch giá 300.000 đồng) để bán lại cho người khác và sử dụng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, K cùng với Nguyễn Văn C đi đến nhà T để mua ma túy. Tại đây, C đứng ngoài đợi, K đi đến địa điểm giao dịch T trực tiếp lấy 01 bịch ma túy bán cho K và lấy 500.000 đồng cất giữ.

Lần thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 11/11/2017, sau khi K đã mua được ma túy từ T đi ra về thì C đi đến nhà của T hỏi mua ma túy với giá 500.000đồng để sử dụng. T lấy 01 bịch ma túy trong người bán cho C và lấy 500.000 đồng cất giữ.

Lần thứ tư: Khoảng 14 giờ ngày 13/11/2017, K dùng điện thoại di động liên lạc với T hỏi mua ma túy với giá 500.000 đồng thì T đồng ý và hẹn giao dịch tại nhà của T. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, K đến nhà T trực tiếp lấy trong người 01 bịch ma túy bán cho K và lấy 500.000đồng cất giữ.

Lần thứ năm: Khoảng 20 giờ ngày 18/11/2017, Danh Xa N2 dùng điện thoại di động liên lạc với T hỏi mua ma túy với giá 200.000 đồng để sử dụng thì T đồng ý và hẹn giao dịch tại nhà của T. Lúc này, T dùng điện thoại di động liên lạc với L3 hỏi mua ma túy với giá 300.000 đồng thì L3 đồng ý và giao dịch tại nhà của T. T lấy ma túy từ L3 rồi chiết thành 02 bịch nhỏ (01 bịch giá 200.000đồng và 01 bịch giá 250.000 đồng). Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N2 đến nhà T trực tiếp bán cho N2 01 bịch ma túy và lấy 200.000 đồng cất giữ.

Lần thứ sáu: Khoảng 15 giờ ngày 19/11/2017, N2 dùng điện thoại di động liên lạc với T hỏi mua ma túy với giá 250.000 đồng để sử dụng thì T đồng ý và hẹn giao dịch tại nhà của T. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, N2 đến nhà T trực tiếp bán cho N2 01 bịch ma túy và lấy 250.000 đồng cất giữ.

Lần thứ bảy: Vào sáng ngày 21/11/2017, K dùng điện thoại di động liên lạc với T hỏi mua ma túy với giá 200.000 đồng để sử dụng thì T đồng ý. Lúc này, T dùng điện thoại di động liên lạc với L3 hỏi mua ma túy 01 bịch với giá 200.000 đồng và 01 bịch với giá 1.300.000 đồng thì L3 đồng ý và giao dịch tại nhà của T. T lấy ma túy từ L3 bịch 200.000đồng để bán cho K, còn bịch 1.300.000 đồng T chiết thành 02 bịch nhỏ (01 bịch giá 500.000 đồng và 01 bịch giá 1.200.000đồng) và một ít ma túy còn lại T để sử dụng. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, K đến nhà T kêu cửa, T lấy trong người 01 bịch ma túy đưa cho L ra bán cho K, L lấy 200.000 đồng rồi vào đưa cho T cất giữ.

Lần thứ tám: Khoảng 13 giờ ngày 21/11/2017 T2 dùng điện thoại di động liên lạc với T hỏi mua ma túy với giá 500.000 đồng để sử dụng thì T đồng ý và hẹn giao dịch tại địa điểm gần nhà của T. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T2 đến điểm hẹn giao dịch, T lấy 01 bịch ma túy trong người đưa cho L cất giữ rồi cùng L đi ra địa điểm giao dịch để gặp T2. Tại đây, L trực tiếp đưa ma túy cho T2 và lấy 500.000 đồng từ T2 rồi cùng T đi về nhà, L đưa tiền cho T cất giữ.

Bản cáo trạng số 141/CTr-VKS ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thị Diễm L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T và bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng nêu, bị cáo T và bị cáo L khai: Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 21/11/2017, trong lúc T và L đang bán ma túy (dạng ma túy đá) cho T2 và nhận tiền từ T2 tại địa điểm gần nhà của T thuộc ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì bị lực lượng công an bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm 01 gói ma túy đá được đóng trong bịch

nylon hàn kín và số tiền 1.200.000 đồng. T còn khai ngoài lần bị bắt quả tang T và L còn 08 lần bán ma túy cho các đối tượng sử dụng, Lệ khai trong 08 lần T bán ma túy cho các đối tượng sử dụng L trực tiếp tham gia bán cùng T 03 lần trong ngày 21/11/2017.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị U (Mẹ bị cáo L) trình bày: Tự nguyện giao nộp số tiền 1.400.000 đồng là tiền bị cáo T và bị cáo L thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy, nay không có yêu cầu gì đối với bị cáo T và L về số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Phan Thị P (mẹ bị cáo T) trình bày: Tự nguyện giao nộp số tiền 1.450.000 đồng là tiền bị cáo T và bị cáo L thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy, nay không có yêu cầu gì đối với bị cáo T và L về số tiền này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo T và bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi bán ma túy trái phép nhiều lần đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (Sáu) năm đến 07 (Bảy) năm tù; xử phạt bị cáo Trần Thị Diễm L từ 05 (Năm) năm đến 06 (Sáu) năm tù;

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01(Một) gói giấy màu trắng được niêm phong, trên gói giấy ghi "Niêm phong mẫu vật, vụ số 713/2017, ngày 24/11/2017", có chữ ký của Giám định viên Lê Đức H và người chứng kiến Lý Kim L2, có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, bên trong có chứa mẫu vật sau giám định, là vật chứng của vụ án.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, model RM-1136, số IMEL: 353708072109961 đã qua sử dụng. Bên trong điện thoại có một sim vinaphone, số seri 89840200021535106972 là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và số tiền 4.050.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo không có tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ mức hình phạt do gia đình có hoàn cảnh khó khăn và con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đều thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình được diễn ra vào khoảng 18 giờ 50 phút ngày 21/11/2017 và bị lực lượng công an bắt quả tang. Ngoài ra, trước khi bị bắt phạm tội quả tang các bị cáo còn nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy (ma túy đá) cho các đối tượng mua ma túy để sử dụng, các bị cáo và đối tượng mua ma túy để sử dụng đều dùng điện thoại để liên hệ, giao dịch mua bán với nhau và địa điểm mua bán tại nhà của bị cáo T. Như vậy có đủ chứng cứ để xác định bị cáo T và bị cáo L đã phạm vào

tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và việc truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là trái pháp luật và vô cùng nguy hiểm cho xã hội, thể hiện: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, có đủ khả năng nhận thức để hiểu biết chất ma túy (trong đó có ma túy đá) là loại chất gây nghiện mạnh, khi sử dụng sẽ làm huỷ hoại sức khoẻ, làm mất khả năng lao động, rối loạn hành vi và dùng ma tuý quá liều có thể dẫn đến cái chết, tuy nhiên các bị cáo vì ham chơi, đua đòi, không lo lao động để kiếm sống mà sa vào nghiện ngập ma túy rồi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Mặc dù nhận thức được việc bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm mục đích để có ma túy sử dụng và có tiền để tiếp tục sử dụng ma túy, như vậy các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ đó là chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, về nhân thân của bị cáo T vào năm 2008 bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang kết án 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", sau khi mãn hạn tù trở về hòa nhập cộng đồng lẽ ra bị cáo phải rút ra những bài học để tu dưỡng bản thân, phấn đấu trở thành người tốt nhưng bị cáo không thay đổi thái độ sống mà đến nay tiếp tục phạm tội khác. Vì vậy đây cũng là tình tiết để Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo T cho phù hợp.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự khai ra những lần phạm tội trước đó nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngoài ra gia đình của các bị cáo còn tự nguyện giao nộp lại số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên được xem xét áp dụng tình

tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giúp các bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tính chất, vai trò của các bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội: Các bị cáo là đồng phạm giản đơn, đều với vai trò thực hành, đều thực hiện hành vi phạm tội một cách chủ động. Tuy nhiên, việc mua ma túy của các đối tượng tên L và D sau đó phân phối bán lại cho các đối tượng sử dụng đều do bị cáo T là người chịu trách nhiệm chính, bị cáo L hỗ trợ tích cực cho T trong việc việc mua bán, thu tiền và số lần tham gia mua bán ít hơn. Do đó quá trình xem xét lượng hình cần xử phạt bị cáo T với mức án cao hơn so với bị cáo L.

Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (Sáu) đến 07 (bảy) năm tù và xử phạt bị cáo Trần Thị Diễm L từ 05 (Năm) đến 06 (Sáu) năm tù. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự là có căn cứ như đã phân tích ở trên. Với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Tâm từ 06 đến 07 năm tù là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, riêng trường hợp bị cáo Lệ do tính chất phạm tội ít nguy hiểm hơn so với bị cáo Tâm vì tham gia mua bán số lần ít hơn và chỉ hỗ trợ cho bị cáo Tâm trong việc mua bán trái phép chất ma túy do vậy cần xử mức án dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp.

[5] Do bị cáo T và bị cáo L không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã thay bị cáo nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.850.000 đồng. Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa những người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là hoàn toàn phù hợp. Cần:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gói giấy màu trắng được niêm phong, trên gói giấy ghi: Niêm phong mẫu vật, vụ số 713/2017, ngày 24/11/2017, có chữ ký của Giám định viên Lê Đức H và người chứng kiến Lý Kim L2, có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, bên trong có chứa mẫu vật sau giám định, là vật chứng của vụ án.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, model RM-1136, số IMEL: 353708072109961 đã qua sử dụng. Bên trong điện thoại có một sim vinaphone, số seri 89840200021535106972 là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và số tiền 4.050.000đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy. Đối với số tiền thu lợi bất chính các bị cáo và gia đình của các bị cáo đã nộp xong.

[8] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn C, Vũ Kim K, Danh Xa N2, Đỗ Văn T2, Nguyễn Thị T2, Lê Sỹ L1. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên đã ra Quyết định xử phạt hành chính đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Đối tượng L3 và D là người cung cấp ma túy cho T để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên đã tiến hành xác minh

nhân thân, lai lịch theo lời khai của T, nhưng không có kết quả. Khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Thị Diễm L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, khoản 1 Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 21/11/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T để đảm bảo thi hành án

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, khoản 1 Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Diễm L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Trần Thị Diễm L 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 21/11/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thị Diễm L để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị U và bà Phạm Thị P không có yêu cầu gì về số tiền thu lợi bất chính là 2.850.000 đồng (Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp thay các bị cáo nên không xem xét.

4. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gói giấy màu trắng được niêm phong, trên gói giấy ghi "Niêm phong mẫu vật, vụ số 713/2017", ngày 24/11/2017, có chữ ký của Giám định viên Lê Đức H và người chứng kiến Lý Kim L2, có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, bên trong có chứa mẫu vật sau giám định, là vật chứng của vụ án.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Nokia, màu đen, model RM-1136, số IMEL: 353708072109961 đã qua sử dụng. Bên trong điện thoại có một sim vinaphone, số seri 89840200021535106972 là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.050.000đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy. (Các bị cáo và gia đình của các bị cáo đã nộp xong số tiền này).

Các vật chứng của vụ án được thể hiện tại Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS-HS ngày 03/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 22/5/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo T + bị cáo L;
- Cơ quan điều tra huyện An Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện An Biên;
- Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thơm